TỔNG CỤC HẢI QUAN
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN NĂM 2023

Số: **18**/QĐ-NVKHQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả thi của thí sinh tham dự Kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan kỳ 2 năm 2023, khu vực miền Nam tại tỉnh Bình Dương

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN NĂM 2023

Căn cứ Luật Hải quan;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Quyết định số 3605/QĐ-TCHQ ngày 13/12/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành Quy chế tổ chức thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;

Căn cứ Quyết định số 568/QĐ-TCHQ ngày 22/3/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc thành lập Hội đồng thi cấp Chứng chỉ Nghiệp vụ khai hải quan năm 2023;

Theo đề nghị của Thư ký Hội đồng thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi của thí sinh tham dự Kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan kỳ 2 năm 2023, khu vực miền Nam tại tỉnh Bình Dương, cụ thể:

- Tổ chức từ ngày 07/8 đến 09/8/2023.

- Địa điểm: Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng An, tỉnh Bình Dương.

- Kết quả:

+ Số thí sinh đỗ: 108/550 thí sinh.

+ Số thi sinh trượt: 442/550 thí sinh.

(Theo Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các thí sinh đỗ (có 3 môn đạt yêu cầu theo quy định) được Tổng cục Hải quan cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng Tổng cục, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị, Hội đồng thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan năm 2023 và thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NVKHQ (06b).

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH

PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN
Hoàng Việt Cường

Phụ lục

KẾT QUẢ CỦA THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN KỲ 2 NĂM 2023 KHU VỰC MIỀN NAM TẠI TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số: 18/QĐ-NVKHQ ngày 19/9/2023 của Hội đồng thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan năm 2023)

Thời gian: từ ngày 07/8 đến 09/8/2023

Địa điểm: Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng An, tỉnh Bình Dương

Số thí sinh đỗ: 108 thí sinh Số thí sinh trượt: 442 thí sinh

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
1	Bùi Thị Thúy An	07/08/1997	KHQ2.0001	66	50	52	Đỗ
2	Diệc Gia An	01/09/1995	KHQ2.0002	40	Miễn thi	39	Trượt
3	Nguyễn Huỳnh Thúy An	18/07/1994	KHQ2.0003	39	57	Bảo lưu	Trượt
4	Huỳnh Thị Đức Ân	24/08/1981	KHQ2.0004	34	46	40	Trượt
5	Cao Việt Anh	10/08/1993	KHQ2.0005	Bảo lưu	Bảo lưu	46	Trượt
6	Hồ Thị Trâm Anh	27/04/1996	KHQ2.0006	44	49	44	Trượt
7	Lâm Đức Nhật Anh	31/07/1997	KHQ2.0007	48	39	39	Trượt
8	Lê Đình Tuấn Anh	13/07/1996	KHQ2.0008	50	46	36	Trượt
9	Lê Nhất Kim Anh	23/09/1986	KHQ2.0009	39	54	56	Trượt
10	Lê Thị Hoàng Anh	23/07/1999	KHQ2.0010	Miễn thi	52	Miễn thi	Đỗ
11	Lê Thị Lan Anh	28/10/1988	KHQ2.0011	35	35	40	Trượt
12	Lê Thị Trâm Anh	07/04/1997	KHQ2.0012	61	49	45	Trượt
13	Lê Vân Anh	04/06/1983	KHQ2.0013	32	32	44	Trượt
14	Lê Văn Anh	04/06/1984	KHQ2.0014	38	30	36	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
15	Mai Thị Vân Anh	11/12/2000	KHQ2.0015	51	Miễn thi	70	Đỗ
16	Tăng Thị Kim Anh	04/04/1996	KHQ2.0016	44	52	62	Trượt
17	Thái Thị Hoàng Anh	29/09/1990	KHQ2.0017	35	42	44	Trượt
18	Tô Nam Anh	24/12/1993	KHQ2.0018	52	57	38	Trượt
19	Trần Bảo Anh	10/04/1993	KHQ2.0019	44	48	50	Trượt
20	Trần Thị Minh Anh	01/07/2001	KHQ2.0020	42	Miễn thi	40	Trượt
21	Huỳnh Duy Bách	17/04/1992	KHQ2.0021	28	40	39	Trượt
22	Lý Hoài Bảo	22/09/1999	KHQ2.0022	29	26	41	Trượt
23	Lê Thị Ngọc Bích	23/06/1997	KHQ2.0023	34	36	41	Trượt
24	Hồ Thanh Bình	27/08/2000	KHQ2.0024	49	61	54	Trượt
25	Nguyễn Thị Như Bình	31/10/1996	KHQ2.0025	48	Miễn thi	38	Trượt
26	Võ Thanh Bình	20/03/1997	KHQ2.0026	62	Miễn thi	Bảo lưu	Đỗ
27	Trần Thị Ngọc Chăm	06/08/2000	KHQ2.0027	54	50	57	Đỗ
28	Phạm Thị Ngô Chân	09/04/1988	KHQ2.0028	70	Bảo lưu	Bảo lưu	Đỗ
29	Dương Thành Châu	10/09/1992	KHQ2.0029	41	48	45	Trượt
30	Nguyễn Ngọc Minh Châu	30/10/1997	KHQ2.0030	57	Bảo lưu	42	Trượt
31	Đoàn Thị Cẩm Chi	25/12/1995	KHQ2.0031	50	59	59	Đỗ
32	Huỳnh Phương Chi	17/12/1978	KHQ2.0032	39	39	49	Trượt
33	Nguyễn Thị Kim Chi	17/10/1997	KHQ2.0033	Bảo lưu	65	59	Đỗ

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
34	Nguyễn Hoàng Chiến	11/01/1990	KHQ2.0034	41	Bảo lưu	51	Trượt
35	Trần Trung Chinh	04/08/1981	KHQ2.0036	38	46	52	Trượt
36	Lâm Minh Chủ	25/10/1996	KHQ2.0037	51	35	39	Trượt
37	Đỗ Hoàng Chương	21/03/1983	KHQ2.0038	61	56	64	Đỗ
38	Nguyễn Văn Công	20/09/1991	KHQ2.0039	52	52	51	Đỗ
39	Phạm Thành Công	12/11/1987	KHQ2.0040	30	Bỏ thi	Bỏ thi	Trượt
40	La Việt Cường	04/08/1996	KHQ2.0042	39	51	52	Trượt
41	Lê Ngọc Cường	27/07/1995	KHQ2.0043	32	40	36	Trượt
42	Nguyễn Phạm Quốc Cường	06/08/1999	KHQ2.0044	50	45	55	Trượt
43	Rô H' Đa	20/02/1998	KHQ2.0045	46	34	48	Trượt
44	Nguyễn Hải Đăng	18/03/1997	KHQ2.0046	Bảo lưu	Miễn thi	70	Đỗ
45	Nguyễn Hồ Hải Đăng	01/01/1995	KHQ2.0047	44	35	42	Trượt
46	Nguyễn Thị Bích Đào	01/08/1991	KHQ2.0048	48	46	45	Trượt
47	Nguyễn Tiến Đạt	16/11/1996	KHQ2.0050	39	41	36	Trượt
48	Nguyễn Ngọc Đây	06/06/1990	KHQ2.0051	49	52	49	Trượt
49	Quách Cát Điền	18/07/1983	KHQ2.0052	29	25	19	Trượt
50	Dương Hữu Điệp	11/05/1995	KHQ2.0053	52	Bảo lưu	62	Đỗ
51	Hoàng Thiên Định	25/02/1996	KHQ2.0054	38	40	36	Trượt
52	Trần Quan Đốn	09/06/1986	KHQ2.0055	48	29	42	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
53	Đỗ Lê Nhật Đức	24/03/1995	KHQ2.0056	42	49	48	Trượt
54	Nguyễn Hữu Đức	08/04/2000	KHQ2.0057	Miễn thi	51	Miễn thi	Đỗ
55	Nguyễn Viết Đức	21/04/1994	KHQ2.0058	52	44	59	Trượt
56	Đỗ Thị Mỹ Dung	15/10/2001	KHQ2.0059	44	39	39	Trượt
57	Đỗ Trịnh Thuỳ Dung	10/01/1995	KHQ2.0060	Bảo lưu	Bảo lưu	57	Đỗ
58	Nguyễn Thùy Dung	15/03/1993	KHQ2.0062	45	52	48	Trượt
59	Phạm Lê Thanh Dung	23/10/1997	KHQ2.0063	50	64	50	Đỗ
60	Phạm Thị Kiều Dung	21/08/1997	KHQ2.0064	Miễn thi	34	Miễn thi	Trượt
61	Bùi Tiến Dũng	30/04/1985	KHQ2.0065	48	46	39	Trượt
62	Nguyễn Thiêm Dũng	01/09/1992	KHQ2.0066	31	35	35	Trượt
63	Nguyễn Trung Dũng	03/01/1991	KHQ2.0067	28	31	50	Trượt
64	Văn Ngọc Dũng	26/08/1994	KHQ2.0068	54	48	38	Trượt
65	Tống Thị Thuỳ Dương	23/08/1994	KHQ2.0070	Bảo lưu	Bảo lưu	59	Đỗ
66	Từ Công Dưỡng	26/02/1997	KHQ2.0071	50	45	Bảo lưu	Trượt
67	Dương Thiện Duy	23/08/1996	KHQ2.0072	38	40	42	Trượt
68	Nguyễn Hoàng Duy	17/11/1985	KHQ2.0073	36	51	36	Trượt
69	Nguyễn Hoàng Duy	14/03/1999	KHQ2.0074	51	61	40	Trượt
70	Nguyễn Ngọc Duy	13/09/1983	KHQ2.0075	46	32	49	Trượt
71	Vũ Đình Duy	09/12/1997	KHQ2.0077	45	52	52	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
72	Bùi Huệ Duyên	25/12/1999	KHQ2.0078	39	Miễn thi	44	Trượt
73	Đoàn Thị Mỹ Duyên	17/06/1996	KHQ2.0079	45	36	39	Trượt
74	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	10/04/1993	KHQ2.0080	55	49	46	Trượt
75	Phan Xuân Duyên	28/07/1988	KHQ2.0081	45	Miễn thi	45	Trượt
76	Trần Thị Hồng Duyên	05/08/1981	KHQ2.0082	65	50	62	Đỗ
77	Nguyễn Văn Kha Đuynh	12/07/1989	KHQ2.0083	36	42	41	Trượt
78	Dương Thị Phương Giang	12/06/1988	KHQ2.0084	31	52	51	Trượt
79	Nguyễn Thị Cẩm Giang	27/12/1992	KHQ2.0085	41	39	40	Trượt
80	Nguyễn Thị Trường Giang	18/02/1998	KHQ2.0086	22	45	45	Trượt
81	Nguyễn Thị Ngọc Giao	15/03/1990	KHQ2.0087	21	28	24	Trượt
82	Trần Thị Kim Giàu	15/05/1998	KHQ2.0088	20	31	30	Trượt
83	Bùi Nguyễn Minh Hà	19/05/1982	KHQ2.0089	30	35	28	Trượt
84	Bùi Thị Thu Hà	07/07/1997	KHQ2.0090	36	48	49	Trượt
85	Hồ Thị Phương Hà	08/09/1998	KHQ2.0092	Bảo lưu	66	Bảo lưu	Đỗ
86	Huỳnh Liên Ngân Hà	15/09/1996	KHQ2.0093	35	50	41	Trượt
87	Nguyễn Mạnh Hà	07/12/1988	KHQ2.0094	40	26	36	Trượt
88	Trần Nguyên Ngân Hà	20/10/2000	KHQ2.0095	29	39	42	Trượt
89	Trần Thị Thiên Hà	15/01/1997	KHQ2.0096	36	38	40	Trượt
90	Chế Hồng Hải	23/09/1991	KHQ2.0097	Bảo lưu	51	50	Đỗ

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
91	Đoàn Nam Hải	24/02/1996	KHQ2.0098	25	14	29	Trượt
92	Nguyễn Hoàng Hải	15/07/1998	KHQ2.0099	38	45	44	Trượt
93	Nguyễn Thanh Hải	24/01/1988	KHQ2.0100	28	36	31	Trượt
94	Võ Minh Hải	13/06/1988	KHQ2.0101	55	51	55	Đỗ
95	Nguyễn Thị Lan Hân	12/01/1992	KHQ2.0102	62	59	65	Đỗ
96	Nguyễn Hoài Hận	16/06/1992	KHQ2.0103	52	Bảo lưu	Bảo lưu	Đỗ
97	Bùi Thị Thúy Hằng	29/12/1998	KHQ2.0104	56	60	Bảo lưu	Đỗ
98	Lê Thị Diệu Hằng	13/08/1998	KHQ2.0105	55	70	56	Đỗ
99	Lê Thị Thanh Hằng	14/02/1993	KHQ2.0106	28	49	34	Trượt
100	Lê Thị Thúy Hằng	08/03/2000	KHQ2.0107	52	Miễn thi	49	Trượt
101	Nguyễn Thị Kim Hằng	20/11/1986	KHQ2.0108	31	34	26	Trượt
102	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	20/10/2000	KHQ2.0109	57	Miễn thi	51	Đỗ
103	Nguyễn Thị Thúy Hằng	12/08/1992	KHQ2.0110	34	32	41	Trượt
104	Phùng Phương Hằng	12/05/2000	KHQ2.0111	38	26	39	Trượt
105	Bùi Hồng Hạnh	18/10/1991	KHQ2.0112	46	Bảo lưu	44	Trượt
106	Cao Thị Hạnh	05/02/1995	KHQ2.0113	50	41	44	Trượt
107	Lương Thị Mỹ Hạnh	26/02/1997	KHQ2.0114	41	51	35	Trượt
108	Cù Huy Hảo	20/08/2000	KHQ2.0115	45	55	56	Trượt
109	Huỳnh Thị Hảo	05/05/1996	KHQ2.0116	66	66	54	Đỗ

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
110	Trần Thị Thanh Hảo	26/11/1986	KHQ2.0117	Bảo lưu	Bảo lưu	56	Đỗ
111	Huỳnh Văn Hậu	07/01/2000	KHQ2.0118	39	54	48	Trượt
112	Nguyễn Thị Bích Hậu	01/02/1993	KHQ2.0119	51	75	57	Đỗ
113	Nguyễn Thị Diễm Hậu	21/03/1996	KHQ2.0120	55	44	42	Trượt
114	Nguyễn Trung Hậu	11/11/1989	KHQ2.0121	28	41	41	Trượt
115	Nguyễn Văn Hậu	01/01/1987	KHQ2.0122	54	46	40	Trượt
116	Nguyễn Thanh Henh	22/09/1999	KHQ2.0123	20	Miễn thi	32	Trượt
117	Nguyễn Trung Hiên	10/10/1989	KHQ2.0124	20	35	35	Trượt
118	Nguyễn Thị Thanh Hiền	10/05/1998	KHQ2.0125	25	35	42	Trượt
119	Phạm Thanh Hiền	18/08/1987	KHQ2.0126	36	22	12	Trượt
120	Phạm Thị Ánh Hiền	20/06/1997	KHQ2.0127	69	62	Bảo lưu	Đỗ
121	Phạm Thị Thu Hiền	06/10/2000	KHQ2.0128	Bảo lưu	Miễn thi	57	Đỗ
122	Trương Thị Thu Hiền	14/09/1991	KHQ2.0129	41	52	50	Trượt
123	Nguyễn Thị Thuý Hiệp	20/06/1993	KHQ2.0130	Bảo lưu	52	35	Trượt
124	Bùi Văn Hiếu	01/07/1993	KHQ2.0131	26	34	39	Trượt
125	Đoàn Tấn Hiếu	04/09/1995	KHQ2.0132	26	52	34	Trượt
126	Nguyễn Văn Hiếu	19/05/1988	KHQ2.0133	49	51	41	Trượt
127	Đỗ Lan Hiệu	16/08/1997	KHQ2.0134	39	34	36	Trượt
128	Đỗ Khắc Hinh	12/02/1993	KHQ2.0135	51	51	52	Đỗ

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
129	Đỗ Văn Hỗ	03/05/1985	KHQ2.0136	38	40	46	Trượt
130	Phan Thị Ái Hoà	08/05/1975	KHQ2.0137	45	38	29	Trượt
131	Hồ Thị Xuân Hòa	08/11/1997	KHQ2.0138	41	36	35	Trượt
132	Đặng Huy Hoàng	07/12/2000	KHQ2.0141	49	Miễn thi	48	Trượt
133	Huỳnh Nhật Hoàng	24/12/1994	KHQ2.0142	38	45	42	Trượt
134	Lê Chí Hoàng	02/11/1994	KHQ2.0143	66	51	44	Trượt
135	Lê Duy Hoàng	12/10/1988	KHQ2.0144	42	48	49	Trượt
136	Lê Thanh Hoàng	07/02/1994	KHQ2.0145	41	51	56	Trượt
137	Đoàn Văn Hội	20/02/1996	KHQ2.0147	32	39	34	Trượt
138	Nguyễn Phú Hội	29/10/2001	KHQ2.0148	50	Miễn thi	62	Đỗ
139	Nguyễn Thị Xuân Hồng	03/12/1988	KHQ2.0150	44	40	40	Trượt
140	Trần Thị Thu Hồng	18/10/1987	KHQ2.0151	39	41	64	Trượt
141	Võ Kim Hồng	12/10/1987	KHQ2.0152	60	64	62	Đỗ
142	Nguyễn Hà Hương Huế	25/11/1986	KHQ2.0153	40	26	35	Trượt
143	Nguyễn Thị Kim Huệ	22/09/1995	KHQ2.0154	57	49	50	Trượt
144	Lê Quốc Hùng	05/12/1993	KHQ2.0155	55	Bảo lưu	44	Trượt
145	Ngô Quang Hùng	31/10/1999	KHQ2.0156	51	Miễn thi	40	Trượt
146	Nguyễn Anh Hùng	16/02/1982	KHQ2.0157	54	51	56	Đỗ
147	Nguyễn Mạnh Hùng	17/11/1967	KHQ2.0158	49	54	42	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
148	Nguyễn Ngọc Hùng	15/10/1992	KHQ2.0159	31	42	52	Trượt
149	Phạm Thanh Hùng	04/10/1999	KHQ2.0160	48	Miễn thi	44	Trượt
150	Trần Huy Hùng	16/03/1990	KHQ2.0161	28	22	29	Trượt
151	Nguyễn Đức Hưng	24/10/1991	KHQ2.0162	64	57	48	Trượt
152	Hồ Thị Ngọc Hương	17/11/1988	KHQ2.0164	44	52	41	Trượt
153	Huỳnh Thị Xuân Hương	11/09/1988	KHQ2.0165	54	51	44	Trượt
154	Huỳnh Xuân Hương	04/08/1989	KHQ2.0166	30	40	29	Trượt
155	Ngô Thị Mỹ Hương	18/06/1990	KHQ2.0167	46	41	49	Trượt
156	Ngô Thị Quỳnh Hương	09/10/1998	KHQ2.0168	34	32	32	Trượt
157	Nguyễn Thị Diễm Hương	28/07/1991	KHQ2.0169	45	54	59	Trượt
158	Phùng Thị Lan Hương	06/10/2001	KHQ2.0171	64	Miễn thi	49	Trượt
159	Nguyễn Văn Hưởng	05/12/1986	KHQ2.0172	38	45	45	Trượt
160	Nguyễn Minh Huy	17/06/1989	KHQ2.0175	41	45	40	Trượt
161	Trương Công Huy	18/03/1985	KHQ2.0176	32	46	32	Trượt
162	Trương Quang Huy	06/01/1985	KHQ2.0177	Bảo lưu	Bảo lưu	50	Đỗ
163	Nguyễn Thị Huyền	13/06/1997	KHQ2.0178	36	26	41	Trượt
164	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	30/07/1999	KHQ2.0179	49	Miễn thi	46	Trượt
165	Phạm Thị Thu Huyền	09/09/1997	KHQ2.0180	60	60	50	Đỗ
166	Vũ Thị Huyền	25/09/1999	KHQ2.0181	35	31	28	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
167	Nguyễn Tấn Hy	25/09/1975	KHQ2.0182	40	39	49	Trượt
168	Phan Thị Tuyết Kha	16/12/1997	KHQ2.0183	28	45	40	Trượt
169	Nguyễn Kiến Khải	16/05/1992	KHQ2.0184	41	Miễn thi	45	Trượt
170	Nguyễn Quang Khải	25/05/1996	KHQ2.0185	29	32	36	Trượt
171	Nguyễn Phi Khanh	13/06/1977	KHQ2.0186	45	52	44	Trượt
172	Nguyễn Thi Quang Khanh	25/01/1992	KHQ2.0187	51	49	49	Trượt
173	Nguyễn Trường Khánh	01/01/1985	KHQ2.0188	29	31	29	Trượt
174	Huỳnh Kim Khiếu	29/05/1996	KHQ2.0189	52	59	64	Đỗ
175	Nguyễn Vũ Khoa	05/08/1984	KHQ2.0190	55	41	50	Trượt
176	Hà Đức Khôi	16/04/1992	KHQ2.0191	31	38	41	Trượt
177	Phạm Chí Khôi	28/09/1991	KHQ2.0192	57	57	Bảo lưu	Đỗ
178	Nguyễn Hữu Khương	10/08/2000	KHQ2.0193	42	Miễn thi	39	Trượt
179	Phan Cao Kiên	06/12/1993	KHQ2.0194	60	56	50	Đỗ
180	Trần Anh Kiệt	11/06/1995	KHQ2.0195	36	51	35	Trượt
181	Nguyễn Thị Kiều	10/04/1998	KHQ2.0196	42	39	46	Trượt
182	Trần Thị Xuân Kiều	04/03/1991	KHQ2.0197	38	52	49	Trượt
183	Trần Hoàng Kim	11/03/2000	KHQ2.0198	Miễn thi	54	Miễn thi	Đỗ
184	Dương Thị Lam	06/06/1999	KHQ2.0200	44	45	30	Trượt
185	Lê Văn Lam	27/06/1997	KHQ2.0201	40	32	32	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
186	Đoàn Lâm	29/09/2000	KHQ2.0202	42	49	45	Trượt
187	Trương Tường Lâm	25/07/1988	KHQ2.0203	34	56	55	Trượt
188	Lê Nguyễn Thùy Lan	04/04/1999	KHQ2.0204	32	Miễn thi	35	Trượt
189	Nguyễn Thị Kiều Lan	05/12/2001	KHQ2.0205	69	Miễn thi	50	Đỗ
190	Lê Thành Lân	28/08/1989	KHQ2.0206	52	52	50	Đỗ
191	Nguyễn Quang Tứ Lân	10/05/1980	KHQ2.0207	29	46	38	Trượt
192	Lê Nhất Ngọc Lanh	26/08/1993	KHQ2.0208	62	57	44	Trượt
193	Đặng Hồng Lãnh	15/01/1993	KHQ2.0209	51	49	40	Trượt
194	Lê Đình Lập	18/07/1989	KHQ2.0210	35	38	44	Trượt
195	Đỗ Thị Mỹ Lệ	27/10/2000	KHQ2.0211	46	46	57	Trượt
196	Phan Thị Lệ	18/01/1993	KHQ2.0212	44	49	46	Trượt
197	Trần Thị Nhật Lệ	07/12/1998	KHQ2.0213	28	32	50	Trượt
198	Nguyễn Cao Hồng Liên	04/09/1994	KHQ2.0214	41	40	40	Trượt
199	Bùi Thùy Linh	09/04/2000	KHQ2.0215	59	55	55	Đỗ
200	Đàm Khánh Linh	13/08/1999	KHQ2.0216	55	56	51	Đỗ
201	Đoàn Thị Mỹ Linh	03/05/2001	KHQ2.0217	34	31	34	Trượt
202	Hồ Thị Thuỳ Linh	10/11/1993	KHQ2.0218	55	30	44	Trượt
203	Hoàng Nhật Linh	01/03/1993	KHQ2.0219	44	31	45	Trượt
204	Hoàng Thị Thùy Linh	22/02/1999	KHQ2.0220	20	31	19	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
205	Lê Thị Trúc Linh	25/04/1999	KHQ2.0221	65	Miễn thi	49	Trượt
206	Nguyễn Thị Phương Linh	10/11/1995	KHQ2.0222	32	42	42	Trượt
207	Nguyễn Thị Thùy Linh	07/06/1988	KHQ2.0223	39	52	42	Trượt
208	Phạm Thị Trúc Linh	08/08/1989	KHQ2.0224	56	48	Bảo lưu	Trượt
209	Phan Nguyễn Phương Linh	23/11/1996	KHQ2.0225	42	30	45	Trượt
210	Trần Thị Thùy Linh	04/03/1996	KHQ2.0226	50	56	Bảo lưu	Đỗ
211	Võ Thị Trúc Linh	30/06/1994	KHQ2.0228	49	59	46	Trượt
212	Ngô Hồng Lĩnh	11/02/1998	KHQ2.0229	32	45	34	Trượt
213	Đỗ Thị Mỹ Loan	28/12/1998	KHQ2.0230	68	Miễn thi	62	Đỗ
214	Ngô Thị Loan	26/12/1983	KHQ2.0231	69	62	62	Đỗ
215	Nguyễn Thị Hồng Loan	20/10/1988	KHQ2.0232	Bảo lưu	56	66	Đỗ
216	Nguyễn Thị Loan	28/08/1986	KHQ2.0233	60	66	Bảo lưu	Đỗ
217	Đặng Quang Lộc	09/08/1983	KHQ2.0234	29	48	41	Trượt
218	Lê Tiến Lộc	07/07/1991	KHQ2.0235	51	48	49	Trượt
219	Nguyễn Xuân Phú Lộc	12/02/1995	KHQ2.0236	34	32	48	Trượt
220	Nguyễn Thị Thanh Lợi	17/08/1998	KHQ2.0237	41	32	42	Trượt
221	Nguyễn Thị Thanh Lụa	16/07/1981	KHQ2.0238	57	Bảo lưu	45	Trượt
222	Nguyễn Thị Kim Ly	16/11/1997	KHQ2.0239	22	30	44	Trượt
223	Trần Khánh Ly	15/08/1995	KHQ2.0240	42	54	Bảo lưu	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
224	Trần Thị Thảo Ly	13/11/1997	KHQ2.0241	Bảo lưu	66	80	Đỗ
225	Lê Thị Lý	10/06/1983	KHQ2.0242	45	39	64	Trượt
226	Nguyễn Thị Ngọc Lý	16/11/1985	KHQ2.0243	44	41	Bảo lưu	Trượt
227	Nguyễn Thị Ngọc Mai	04/04/1998	KHQ2.0245	44	55	40	Trượt
228	Nguyễn Thuỳ Thanh Mai	11/10/2000	KHQ2.0246	41	46	48	Trượt
229	Trần Thị Ngọc Mai	12/08/1991	KHQ2.0247	39	44	50	Trượt
230	Đặng Hữu Mãi	15/09/1997	KHQ2.0248	42	38	46	Trượt
231	Nguyễn Hùng Mạnh	30/12/1986	KHQ2.0249	30	38	42	Trượt
232	Thái Thị Mến	05/09/1995	KHQ2.0250	65	62	70	Đỗ
233	Hồ Thị Thùy Mi	13/05/1996	KHQ2.0251	49	55	54	Trượt
234	Đinh Công Minh	12/07/1996	KHQ2.0252	57	Bảo lưu	Bảo lưu	Đỗ
235	Đinh Thị Kim Minh	25/08/1989	KHQ2.0253	49	Bảo lưu	50	Trượt
236	Hứa Ngọc Minh	27/02/2000	KHQ2.0254	44	41	41	Trượt
237	Nguyễn Nhật Minh	23/02/1995	KHQ2.0255	50	44	Bảo lưu	Trượt
238	Trần Nhật Minh	16/04/1990	KHQ2.0257	39	50	42	Trượt
239	Trần Văn Minh	15/05/1988	KHQ2.0258	52	49	61	Trượt
240	Vũ Quang Minh	23/08/1988	KHQ2.0259	50	Bảo lưu	Bảo lưu	Đỗ
241	Phạm Thi Bích Muội	12/04/1988	KHQ2.0260	26	39	36	Trượt
242	Lê Thị Trà My	31/12/1996	KHQ2.0261	38	45	34	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
243	Nguyễn Phạm Hà My	02/03/1998	KHQ2.0262	29	39	34	Trượt
244	Nguyễn Thanh Thúy My	16/02/1998	KHQ2.0263	54	52	46	Trượt
245	Phan Ngọc Tiểu My	06/07/1992	KHQ2.0264	55	49	44	Trượt
246	Võ Thị Nhu Mỹ	23/02/1996	KHQ2.0265	42	49	34	Trượt
247	Lê Võ Hải My	10/12/1997	KHQ2.0266	55	Bảo lưu	50	Đỗ
248	Vũ Hoài Nam	26/03/1988	KHQ2.0267	35	41	45	Trượt
249	Lê Thị Nga	06/04/1997	KHQ2.0269	34	32	40	Trượt
250	Nguyễn Thị Hồng Nga	24/05/1999	KHQ2.0270	52	54	46	Trượt
251	Đỗ Kim Ngân	20/04/1991	KHQ2.0271	61	52	66	Đỗ
252	Huỳnh Thị Kim Ngân	09/07/2000	KHQ2.0272	59	48	34	Trượt
253	Nguyễn Thanh Kim Ngân	04/02/1994	KHQ2.0273	Bảo lưu	48	Bảo lưu	Trượt
254	Nguyễn Thị Thúy Ngân	15/09/1986	KHQ2.0274	64	60	54	Đỗ
255	Tống Thị Kim Ngân	22/06/2000	KHQ2.0275	29	34	31	Trượt
256	Trần Thị Kim Ngân	13/01/2000	KHQ2.0276	46	44	54	Trượt
257	Trần Thị Thanh Ngân	10/11/1996	KHQ2.0277	35	42	41	Trượt
258	Trần Thị Thùy Ngân	08/08/1990	KHQ2.0278	35	42	46	Trượt
259	Võ Thanh Ngân	16/07/1998	KHQ2.0279	32	48	29	Trượt
260	Võ Thị Thu Ngân	06/06/1998	KHQ2.0280	40	56	51	Trượt
261	Nguyễn Anh Nghi	05/03/1999	KHQ2.0281	45	Miễn thi	55	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
262	Nguyễn Bảo Nghi	08/03/1998	KHQ2.0282	34	24	36	Trượt
263	Hồ Vĩnh Ngọc	30/11/1980	KHQ2.0283	45	36	28	Trượt
264	Hoàng Thị Bích Ngọc	03/02/1984	KHQ2.0284	51	40	46	Trượt
265	Huỳnh Công Ngọc	02/07/1987	KHQ2.0285	25	30	30	Trượt
266	Lê Quang Như Ngọc	24/04/1988	KHQ2.0286	38	Bảo lưu	48	Trượt
267	Lý Thị Ánh Ngọc	01/02/2000	KHQ2.0287	45	Miễn thi	52	Trượt
268	Ngô Thị Hồng Ngọc	24/06/1994	KHQ2.0288	Bảo lưu	52	44	Trượt
269	Nguyễn Thị Bích Ngọc	28/03/2000	KHQ2.0289	35	48	39	Trượt
270	Trần Thị Kim Ngọc	15/05/1998	KHQ2.0291	26	42	26	Trượt
271	Võ Thị Bảo Ngọc	07/01/1994	KHQ2.0292	39	25	36	Trượt
272	Đặng Song Nguyên	08/08/1989	KHQ2.0293	55	46	59	Trượt
273	Lê Hải Nguyên	21/11/1994	KHQ2.0294	36	29	28	Trượt
274	Nguyễn Thị Lệ Nguyên	22/03/2000	KHQ2.0296	34	Miễn thi	36	Trượt
275	Nguyễn Thị Ngọc Nguyên	01/04/1999	KHQ2.0297	54	Miễn thi	50	Đỗ
276	Trần Thị Thu Nguyên	06/06/2000	KHQ2.0298	Miễn thi	41	Miễn thi	Trượt
277	Hoàng Thị Nguyệt	30/06/1999	KHQ2.0299	57	Miễn thi	49	Trượt
278	Lầu Thị Ánh Nguyệt	01/02/1993	KHQ2.0300	36	46	Bảo lưu	Trượt
279	Nguyễn Thị Nguyệt	07/09/1981	KHQ2.0301	Bảo lưu	59	45	Trượt
280	Trần Thị Nguyệt	20/04/1985	KHQ2.0302	40	44	41	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
281	Nguyễn Thị Thanh Nhã	02/11/1996	KHQ2.0303	Bảo lưu	Bảo lưu	44	Trượt
282	Nguyễn Thị Tuyết Nhàn	10/01/1994	KHQ2.0304	34	46	38	Trượt
283	Trần Thị Thanh Nhàn	22/01/2000	KHQ2.0305	59	45	36	Trượt
284	Nguyễn Hoàng Nhật	11/06/1981	KHQ2.0306	45	31	48	Trượt
285	Hoàng Thị Yến Nhi	07/08/1998	KHQ2.0307	35	30	44	Trượt
286	Lê Thị Thanh Nhi	23/05/1997	KHQ2.0308	51	59	56	Đỗ
287	Nguyễn Bạch Kiều Nhi	14/10/1999	KHQ2.0309	65	52	60	Đỗ
288	Nguyễn Nữ Thu Nhi	10/03/1998	KHQ2.0310	32	35	24	Trượt
289	Nguyễn Sử Yến Nhi	16/03/1996	KHQ2.0311	49	46	52	Trượt
290	Nguyễn Thị Vân Nhi	04/06/2001	KHQ2.0312	41	35	32	Trượt
291	Võ Thị Hà Nhi	03/12/1990	KHQ2.0313	55	61	51	Đỗ
292	Vương Trường Nhi	09/05/2000	KHQ2.0314	40	Miễn thi	54	Trượt
293	Hồ Thị Huỳnh Nhiên	07/06/1997	KHQ2.0315	55	Bảo lưu	Bảo lưu	Đỗ
294	Huỳnh Thị Quỳnh Như	16/02/2000	KHQ2.0316	52	Miễn thi	50	Đỗ
295	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	11/05/2000	KHQ2.0317	44	Miễn thi	46	Trượt
296	Nguyễn Thị Quỳnh Như	28/10/1978	KHQ2.0318	48	44	39	Trượt
297	Hồ Ngọc Nhung	12/04/1998	KHQ2.0319	31	21	25	Trượt
298	Hoàng Thị Hồng Nhung	20/02/1990	KHQ2.0320	42	46	49	Trượt
299	Lê Thị Hồng Nhung	18/12/1989	KHQ2.0321	Bảo lưu	59	Bảo lưu	Đỗ

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
300	Nguyễn Ngọc Cẩm Nhung	05/10/1992	KHQ2.0322	44	57	60	Trượt
301	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	01/01/1987	KHQ2.0323	65	64	60	Đỗ
302	Lê Minh Nhựt	05/09/1992	KHQ2.0324	34	20	30	Trượt
303	Hoàng Thị Kim Oanh	05/09/1997	KHQ2.0325	65	80	70	Đỗ
304	Phạm Nguyễn Phi Oanh	21/9/1996	KHQ2.0326	41	69	56	Trượt
305	Lê Thị Oanh	11/04/1993	KHQ2.0327	39	38	42	Trượt
306	Hín Chủ Phềnh	12/07/1993	KHQ2.0328	39	39	59	Trượt
307	Nguyễn Huy Phong	01/01/1995	KHQ2.0329	45	49	40	Trượt
308	Nguyễn Thanh Phong	25/06/1999	KHQ2.0330	Miễn thi	28	Miễn thi	Trượt
309	Nguyễn Thanh Phong	29/11/1980	KHQ2.0331	42	40	40	Trượt
310	Hoàng Văn Phú	01/06/1998	KHQ2.0332	48	40	45	Trượt
311	Hứa Quang Phúc	26/08/1991	KHQ2.0333	39	45	49	Trượt
312	Nguyễn Hoàng Phúc	05/04/1993	KHQ2.0334	44	64	51	Trượt
313	Huỳnh Văn Minh Phụng	12/07/1991	KHQ2.0335	42	36	44	Trượt
314	Nguyễn Thị Kim Phụng	20/9/1975	KHQ2.0336	39	35	36	Trượt
315	Phạm Vương Hải Phụng	14/01/1995	KHQ2.0337	Bảo lưu	49	45	Trượt
316	Phùng Tấn Phước	01/07/1990	KHQ2.0338	29	31	34	Trượt
317	Bùi Thị Phương	06/02/1990	KHQ2.0339	62	52	55	Đỗ
318	Đào Thị Thanh Phương	19/09/1998	KHQ2.0340	Miễn thi	42	Miễn thi	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
319	Đoàn Thị Diễm Phương	04/03/1991	KHQ2.0341	42	42	50	Trượt
320	Hoàng Thanh Phương	07/01/1992	KHQ2.0342	38	41	48	Trượt
321	Lương Đông Phương	19/02/1994	KHQ2.0343	45	54	50	Trượt
322	Phạm Minh Phương	21/01/1995	KHQ2.0344	35	54	59	Trượt
323	Tô Nhật Phương	10/09/1992	KHQ2.0345	49	62	51	Trượt
324	Bùi Thị Bích Phượng	05/03/1998	KHQ2.0346	65	48	52	Trượt
325	Phạm Bích Phượng	04/07/1999	KHQ2.0347	51	Miễn thi	Bảo lưu	Đỗ
326	Đỗ Trần Kỳ Quan	27/03/1987	KHQ2.0348	34	49	39	Trượt
327	Lê Minh Quân	01/06/1978	KHQ2.0349	46	45	45	Trượt
328	Nguyễn Hoàng Quân	17/04/1993	KHQ2.0350	42	39	45	Trượt
329	Phan Nam Quân	16/07/1999	KHQ2.0351	48	41	48	Trượt
330	Hoàng Anh Quang	01/08/1994	KHQ2.0352	62	Bảo lưu	55	Đỗ
331	Lê Khánh Quang	23/03/1982	KHQ2.0353	34	38	25	Trượt
332	Nguyễn Vinh Quang	01/08/1989	KHQ2.0354	49	60	54	Trượt
333	Nguyễn Xuân Quang	28/08/1995	KHQ2.0355	40	32	31	Trượt
334	Trần Đình Quang	30/04/1996	KHQ2.0356	39	35	32	Trượt
335	Lê Xuân Quí	07/03/1997	KHQ2.0357	52	40	57	Trượt
336	Nguyễn Văn Quy	01/01/1991	KHQ2.0358	25	31	34	Trượt
337	Vũ Minh Quý	16/04/1993	KHQ2.0359	62	55	56	Đỗ

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
338	Phạm Thị Ngọc Quyền	29/08/1995	KHQ2.0360	Bảo lưu	62	59	Đỗ
339	Nguyễn Mai Diễm Quỳnh	09/02/2001	KHQ2.0361	50	Miễn thi	39	Trượt
340	Trần Thị Mai Quỳnh	28/11/1990	KHQ2.0362	30	18	25	Trượt
341	Trương Gia Quỳnh	07/12/1999	KHQ2.0363	Miễn thi	39	Miễn thi	Trượt
342	Bùi Thị Kim Sang	30/12/1996	KHQ2.0364	50	Bảo lưu	51	Đỗ
343	Nguyễn Lê Thị Sang	28/02/1990	KHQ2.0365	51	Bảo lưu	Bảo lưu	Đỗ
344	Nguyễn Thị Mỹ Tài	10/10/1986	KHQ2.0367	44	51	56	Trượt
345	Bùi Ngọc Phương Tâm	31/08/1996	KHQ2.0368	46	52	56	Trượt
346	Đặng Hoài Tâm	16/08/1995	KHQ2.0369	38	Bảo lưu	Bảo lưu	Trượt
347	Nguyễn Thị Tâm	27/01/1988	KHQ2.0370	66	70	55	Đỗ
348	Đinh Đức Tân	18/05/1989	KHQ2.0371	38	50	Bảo lưu	Trượt
349	Mạch Hoàng Tân	11/03/1990	KHQ2.0372	49	46	35	Trượt
350	Đinh Thế Thạch	04/09/1994	KHQ2.0373	38	48	49	Trượt
351	Huỳnh Văn Thái	28/02/1996	KHQ2.0374	56	50	54	Đỗ
352	Nguyễn Tấn Thái	09/09/1993	KHQ2.0375	Bảo lưu	56	Bảo lưu	Đỗ
353	Nguyễn Thị Thấn	06/10/1995	KHQ2.0376	38	49	54	Trượt
354	Bùi Ngọc Thắng	01/11/1987	KHQ2.0377	22	32	32	Trượt
355	Phạm Minh Thắng	17/02/1994	KHQ2.0378	44	57	51	Trượt
356	Tăng Quốc Thắng	09/06/1993	KHQ2.0379	42	34	46	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
357	Cao Thị Diễm Thanh	29/03/1981	KHQ2.0380	32	26	Bỏ thi	Trượt
358	Đới Thanh Thanh	06/11/1998	KHQ2.0381	36	Miễn thi	28	Trượt
359	Lưu Hoài Thanh	05/01/1998	KHQ2.0382	41	Miễn thi	46	Trượt
360	Thân Hoài Thanh	11/01/1999	KHQ2.0383	30	38	39	Trượt
361	La Duy Thành	24/02/1998	KHQ2.0384	45	42	41	Trượt
362	Nguyễn Thị Thành	30/09/1995	KHQ2.0386	40	34	46	Trượt
363	Vũ Công Thành	19/08/1992	KHQ2.0387	32	56	44	Trượt
364	Cao Phương Thảo	02/04/1991	KHQ2.0388	57	55	52	Đỗ
365	Đinh Thị Thảo	25/02/1984	KHQ2.0389	49	62	45	Trượt
366	Đinh Thị Thảo	10/02/1998	KHQ2.0390	14	30	31	Trượt
367	Đinh Thị Thu Thảo	24/08/1998	KHQ2.0391	40	Miễn thi	46	Trượt
368	Huỳnh Phương Thảo	22/11/1989	KHQ2.0392	55	51	49	Trượt
369	Lê Thị Hoài Thảo	17/07/1996	KHQ2.0393	45	51	55	Trượt
370	Lê Thị Mai Thảo	03/04/1995	KHQ2.0394	46	45	38	Trượt
371	Mai Huỳnh Phương Thảo	15/01/1995	KHQ2.0395	44	40	56	Trượt
372	Mai Thị Thảo	04/01/1996	KHQ2.0396	Bảo lưu	59	Bảo lưu	Đỗ
373	Nguyễn Phương Thảo	29/02/2000	KHQ2.0397	68	56	45	Trượt
374	Nguyễn Thị Thu Thảo	15/08/1994	KHQ2.0398	32	46	34	Trượt
375	Nguyễn Thị Yên Thảo	16/08/1997	KHQ2.0399	32	42	49	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
376	Phạm Nguyễn Mai Thảo	26/11/1998	KHQ2.0400	49	Miễn thi	50	Trượt
377	Võ Thị Thu Thảo	17/10/1978	KHQ2.0401	60	59	59	Đỗ
378	Nguyễn Thị Minh Thi	04/08/1988	KHQ2.0402	59	Bảo lưu	54	Đỗ
379	Huỳnh Thị Hồng Thi	10/07/1992	KHQ2.0403	Bảo lưu	64	57	Đỗ
380	Lê Đức Thiện	05/07/1990	KHQ2.0404	61	46	Bảo lưu	Trượt
381	Nguyễn Minh Thiện	25/04/1988	KHQ2.0406	34	40	39	Trượt
382	Nguyễn Văn Thiện	01/10/1995	KHQ2.0407	40	51	36	Trượt
383	Trần Thị Thiện	26/08/1998	KHQ2.0408	61	62	49	Trượt
384	Lăng Vương Thiệp	19/08/1990	KHQ2.0409	48	38	48	Trượt
385	Chu Văn Thiệu	20/09/1990	KHQ2.0410	40	49	51	Trượt
386	Huỳnh Thị Mỹ Thịnh	08/11/1996	KHQ2.0411	25	29	31	Trượt
387	Nguyễn Quang Thịnh	07/04/1990	KHQ2.0412	49	62	57	Trượt
388	Nguyễn Quốc Thịnh	25/04/1989	KHQ2.0413	56	38	41	Trượt
389	Trần Thị Tho	06/11/1989	KHQ2.0414	35	28	35	Trượt
390	Nguyễn Thị Minh Thơ	20/10/1999	KHQ2.0415	44	50	51	Trượt
391	Huỳnh Tấn Thọ	12/02/1990	KHQ2.0416	49	55	48	Trượt
392	Nguyễn Hữu Thọ	04/08/1997	KHQ2.0417	34	40	45	Trượt
393	Hồ Thị Phương Thoa	23/01/2000	KHQ2.0418	Miễn thi	51	Miễn thi	Đỗ
394	Lê Thị Kim Thoa	28/02/1991	KHQ2.0419	Bảo lưu	69	Bảo lưu	Đỗ

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
395	Lý Thị Bảo Thoa	19/05/1999	KHQ2.0420	60	62	71	Đỗ
396	Nguyễn Thị Kim Thoa	26/02/2001	KHQ2.0421	25	35	35	Trượt
397	Phạm Thị Kim Thoa	01/08/1999	KHQ2.0422	52	50	Bảo lưu	Đỗ
398	Phan Thị Lam Thoa	24/07/1978	KHQ2.0423	46	36	34	Trượt
399	Trần Thị Kim Thoa	31/01/1999	KHQ2.0424	25	31	24	Trượt
400	Lê Kim Thoại	21/08/1988	KHQ2.0425	35	30	24	Trượt
401	Vũ Thị Thơm	05/01/1989	KHQ2.0427	46	34	38	Trượt
402	Lê Hoài Thông	01/11/1996	KHQ2.0428	Bảo lưu	Miễn thi	50	Đỗ
403	Trịnh Minh Thông	12/09/1989	KHQ2.0429	35	34	40	Trượt
404	Lê Thị Lệ Thu	23/10/1997	KHQ2.0430	30	36	38	Trượt
405	Đỗ Anh Thư	26/12/1982	KHQ2.0431	51	49	45	Trượt
406	Lùng Bảo Thư	24/02/1996	KHQ2.0432	48	54	45	Trượt
407	Nguyễn Minh Thư	18/02/2000	KHQ2.0433	52	Miễn thi	41	Trượt
408	Phan Anh Thư	16/02/1995	KHQ2.0434	26	22	31	Trượt
409	Phan Thị Thanh Thư	12/07/2000	KHQ2.0435	38	Miễn thi	36	Trượt
410	Võ Thị Anh Thư	15/07/1996	KHQ2.0436	49	60	54	Trượt
411	Nguyễn Minh Thuận	15/04/1998	KHQ2.0437	41	39	34	Trượt
412	Đào Nguyễn Hoài Thương	24/06/1997	KHQ2.0438	35	34	45	Trượt
413	Phạm Thị Thương	23/03/1998	KHQ2.0439	56	66	56	Đỗ

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
414	Phùng Thị Thanh Thuý	13/10/1996	KHQ2.0440	45	48	55	Trượt
415	Nguyễn Thị Bích Thùy	23/05/1994	KHQ2.0441	36	50	44	Trượt
416	Bùi Thị Diễm Thúy	25/12/1993	KHQ2.0442	52	55	54	Đỗ
417	Đào Thị Ngọc Thúy	27/12/1992	KHQ2.0443	57	36	45	Trượt
418	Hồ Thị Thanh Thúy	13/02/1997	KHQ2.0444	34	38	Bảo lưu	Trượt
419	Phan Ngọc Diễm Thúy	31/01/1986	KHQ2.0445	31	55	30	Trượt
420	Bùi Trần Linh Thùy	22/12/1994	KHQ2.0446	44	42	44	Trượt
421	Hồ Thị Minh Thùy	08/07/1984	KHQ2.0447	46	Bảo lưu	44	Trượt
422	Lộc Thị Mộng Thùy	27/03/1984	KHQ2.0448	52	41	Bảo lưu	Trượt
423	Tạ Thu Thủy	22/11/1995	KHQ2.0449	54	30	41	Trượt
424	Trần Thị Thu Thủy	25/07/1998	KHQ2.0450	35	49	49	Trượt
425	Võ Thị Thu Thủy	28/12/1972	KHQ2.0451	32	48	26	Trượt
426	Vũ Thu Thủy	05/06/1989	KHQ2.0452	39	29	25	Trượt
427	Nguyễn Hải Thụy	09/07/1982	KHQ2.0453	40	39	36	Trượt
428	Lê Thị Cẩm Tiên	27/9/2001	KHQ2.0454	36	45	36	Trượt
429	Lê Thị Xuân Tiên	01/06/1978	KHQ2.0455	34	40	31	Trượt
430	Châu Thị Thanh Tiền	07/03/1998	KHQ2.0456	48	34	40	Trượt
431	Nguyễn Thị Mộng Tiền	21/03/1994	KHQ2.0457	56	62	54	Đỗ
432	Hồ Minh Tiện	10/10/1991	KHQ2.0458	50	46	42	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
433	Võ Tấn Tình	01/07/1983	KHQ2.0460	Bảo lưu	51	44	Trượt
434	Nguyễn Hoàng Khánh Toàn	10/09/1999	KHQ2.0461	51	Miễn thi	46	Trượt
435	Nguyễn Tiến Toàn	30/07/1996	KHQ2.0462	50	41	48	Trượt
436	Bùi Thị Bích Trâm	14/06/1997	KHQ2.0463	38	48	39	Trượt
437	Huỳnh Dương Bảo Trân	06/11/1999	KHQ2.0464	45	45	42	Trượt
438	Mai Thị Thanh Trâm	06/10/1992	KHQ2.0465	45	48	Bảo lưu	Trượt
439	Nguyễn Ngọc Mai Trâm	09/01/1984	KHQ2.0466	44	29	40	Trượt
440	Nguyễn Thị Bích Trâm	12/10/1993	KHQ2.0467	54	62	55	Đỗ
441	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/12/1993	KHQ2.0468	44	35	39	Trượt
442	Phạm Nguyễn Mai Trâm	23/07/1999	KHQ2.0469	29	52	38	Trượt
443	Giản Đào Bảo Trân	18/07/1999	KHQ2.0470	52	Miễn thi	Bảo lưu	Đỗ
444	Lý Nguyễn Yến Trân	13/02/2001	KHQ2.0471	48	Miễn thi	50	Trượt
445	Nguyễn Thị Nhật Trân	21/06/1999	KHQ2.0472	50	Miễn thi	52	Đỗ
446	Trương Huy Ngọc Trân	02/05/1988	KHQ2.0473	49	44	35	Trượt
447	Đào Thu Trang	29/07/1980	KHQ2.0474	38	34	31	Trượt
448	Đỗ Thị Trang	08/01/1998	KHQ2.0475	57	Miễn thi	56	Đỗ
449	Hà Thanh Lệ Trang	10/07/1997	KHQ2.0476	42	35	41	Trượt
450	Lê Thị Thùy Trang	20/06/1999	KHQ2.0478	46	35	42	Trượt
451	Lê Thị Yến Trang	27/08/1998	KHQ2.0479	46	48	30	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
452	Mai Thị Thuỳ Trang	10/08/1987	KHQ2.0480	28	41	22	Trượt
453	Nguyễn Đoàn Thùy Trang	20/08/1995	KHQ2.0481	54	Miễn thi	45	Trượt
454	Nguyễn Thị Thu Trang	16/11/1997	KHQ2.0482	41	48	45	Trượt
455	Phan Thị Thu Trang	01/01/1992	KHQ2.0483	68	Bảo lưu	Bảo lưu	Đỗ
456	Trần Thị Mỹ Trang	20/09/1994	KHQ2.0484	44	41	32	Trượt
457	Trần Thị Thuỳ Trang	31/10/1991	KHQ2.0485	44	49	32	Trượt
458	Trần Thị Trang	24/09/1996	KHQ2.0486	44	45	49	Trượt
459	Phạm Thị Linh Triều	02/10/1998	KHQ2.0487	Bảo lưu	Miễn thi	60	Đỗ
460	Đinh Ngọc Kim Trinh	05/10/1995	KHQ2.0488	Bảo lưu	54	50	Đỗ
461	Huỳnh Tố Trinh	07/12/1997	KHQ2.0489	49	55	57	Trượt
462	Nguyễn Thị Trinh	14/02/2001	KHQ2.0490	25	45	29	Trượt
463	Nguyễn Thị Trinh	26/03/2001	KHQ2.0491	36	42	42	Trượt
464	Nguyễn Bá Khánh Trình	03/04/1996	KHQ2.0492	78	72	68	Đỗ
465	Nguyễn Khắc Trong	22/03/1992	KHQ2.0493	35	40	51	Trượt
466	Huỳnh lê Ngọc Thanh Trúc	04/10/1994	KHQ2.0494	46	38	41	Trượt
467	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	24/06/1987	KHQ2.0495	54	61	52	Đỗ
468	Trần Thị Trúc Thanh	12/10/1993	KHQ2.0496	54	42	Bảo lưu	Trượt
469	Phạm Quốc Trực	28/12/1993	KHQ2.0497	Bảo lưu	42	Bảo lưu	Trượt
470	Lưu Trà Quốc Trung	26/09/1986	KHQ2.0498	30	36	30	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
471	Nguyễn Thành Tín Trung	15/01/1994	KHQ2.0499	44	42	36	Trượt
472	Phạm Ngọc Trường	17/11/1994	KHQ2.0500	41	38	48	Trượt
473	Lê Thị Cẩm Tú	30/03/2000	KHQ2.0501	55	Miễn thi	50	Đỗ
474	Lưu Cẩm Tú	21/10/1985	KHQ2.0502	29	45	28	Trượt
475	Phan Ngọc Tú	13/10/1991	KHQ2.0503	41	Bảo lưu	55	Trượt
476	Trần Minh Tú	08/11/1996	KHQ2.0504	41	30	32	Trượt
477	Võ Quốc Tú	17/08/1995	KHQ2.0505	55	38	49	Trượt
478	Nguyễn Thanh Tuấn	12/12/1993	KHQ2.0506	29	40	36	Trượt
479	Phạm Ngọc Hoàng Tuấn	22/04/2000	KHQ2.0507	39	31	32	Trượt
480	Từ Minh Tuấn	14/11/1976	KHQ2.0508	25	28	39	Trượt
481	Vũ Anh Tuấn	23/05/1993	KHQ2.0509	29	39	36	Trượt
482	Lê Thanh Tùng	28/05/1990	KHQ2.0510	50	55	55	Đỗ
483	Nguyễn Thị Kim Tuyến	23/09/2000	KHQ2.0511	32	49	51	Trượt
484	Dương Huỳnh Tuyền	20/07/1996	KHQ2.0512	51	61	61	Đỗ
485	Hồ Thị Ước	13/07/1998	KHQ2.0514	36	Bảo lưu	29	Trượt
486	Hoàng Văn Uyên	02/09/1987	KHQ2.0515	35	35	34	Trượt
487	Lương Tố Uyên	11/10/2000	KHQ2.0516	52	64	54	Đỗ
488	Đàm Thị Thúy Vân	30/05/1998	KHQ2.0517	51	Miễn thi	Bảo lưu	Đỗ
489	Lê Diệu Ái Vân	21/01/1996	KHQ2.0518	42	40	41	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
490	Nguyễn Thị Vân	18/07/1988	KHQ2.0519	54	Bảo lưu	44	Trượt
491	Phạm Thị Khánh Vân	18/09/1998	KHQ2.0520	51	29	39	Trượt
492	Tiền Ái Vân	24/06/1995	KHQ2.0521	44	Miễn thi	29	Trượt
493	Võ Thị Ánh Vân	20/08/1990	KHQ2.0522	49	61	50	Trượt
494	Chu Vũ Thanh Vân	03/02/1998	KHQ2.0523	46	46	45	Trượt
495	Châu Thảo Vi	27/08/1994	KHQ2.0524	26	39	30	Trượt
496	Đặng Thị Tường Vi	12/10/1996	KHQ2.0525	26	52	38	Trượt
497	Ngô Ngọc Vi	18/08/1997	KHQ2.0526	49	50	55	Trượt
498	Nguyễn Vĩnh Ngọc Viên	11/8/1995	KHQ2.0527	61	52	56	Đỗ
499	Đặng Hoài Việt	05/09/1983	KHQ2.0528	30	Bỏ thi	Bỏ thi	Trượt
500	Vũ Hoàng Việt	14/05/1996	KHQ2.0529	60	Bảo lưu	Bảo lưu	Đỗ
501	Lưu Thành Vinh	16/06/2000	KHQ2.0530	Miễn thi	41	Miễn thi	Trượt
502	Trần Quốc Vinh	03/05/1995	KHQ2.0531	46	55	48	Trượt
503	Phạm Văn Vũ	10/04/1993	KHQ2.0533	45	40	48	Trượt
504	Võ Tuấn Vũ	08/07/1990	KHQ2.0534	36	52	34	Trượt
505	Phạm Vương	22/05/1988	KHQ2.0535	Bảo lưu	Bảo lưu	62	Đỗ
506	Lê Nguyễn Tường Vy	19/01/1996	KHQ2.0536	42	28	44	Trượt
507	Nguyễn Hồng Vy	26/03/1998	KHQ2.0537	57	32	49	Trượt
508	Nguyễn Thị Thảo Vy	12/10/1999	KHQ2.0538	38	30	28	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
509	Nguyễn Thị Yến Vy	29/06/2000	KHQ2.0539	44	Miễn thi	42	Trượt
510	Tạ Thị Thu Vy	10/12/1992	KHQ2.0540	56	54	51	Đỗ
511	Trần Nguyễn Thảo Vy	26/08/1996	KHQ2.0541	44	50	48	Trượt
512	Trần Phương Vy	14/04/1997	KHQ2.0542	49	45	54	Trượt
513	Kỷ Hồng Xuyên	24/05/1990	KHQ2.0544	48	50	52	Trượt
514	Đỗ Thị Như Ý	09/01/2001	KHQ2.0545	46	55	42	Trượt
515	Nguyễn Ngọc Như Ý	01/10/1997	KHQ2.0546	Bảo lưu	40	26	Trượt
516	Nguyễn Thi Như Ý	20/01/1989	KHQ2.0547	56	Bảo lưu	Bảo lưu	Đỗ
517	Nguyễn Thị Yến	01/09/1988	KHQ2.0548	31	41	41	Trượt
518	Nguyễn Thụy Hoàng Yến	05/06/1995	KHQ2.0549	34	38	34	Trượt
519	Phạm Thị Kim Yến	28/07/1992	KHQ2.0551	57	45	46	Trượt
520	Nguyễn Dương Triệu Kiến An	08/09/1999	KHQ2.0552	38	38	39	Trượt
521	Phan Thị Thanh Bình	11/03/1985	KHQ2.0553	45	35	38	Trượt
522	Nguyễn Thị Điệp	02/04/2001	KHQ2.0554	42	Miễn thi	41	Trượt
523	Nguyễn Thúy Hằng	26/11/1997	KHQ2.0555	Bảo lưu	34	49	Trượt
524	Trần Thị Minh Hiệp	12/05/1992	KHQ2.0556	38	48	54	Trượt
525	Lê Quang Hoàng	24/09/1989	KHQ2.0557	40	31	34	Trượt
526	Nguyễn Thị Lan Hương	22/09/1996	KHQ2.0558	48	Miễn thi	45	Trượt
527	Trần Lê Quỳnh Mai	19/02/1999	KHQ2.0559	64	61	41	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
528	Võ Thị Diễm My	17/05/1996	KHQ2.0560	34	38	41	Trượt
529	Phạm Tĩnh Hồng Ngân	03/04/1993	KHQ2.0561	42	34	32	Trượt
530	Trần Ngọc Thảo Nguyên	24/01/1995	KHQ2.0562	38	39	41	Trượt
531	Dương Thị Trúc Nhi	11/08/2000	KHQ2.0563	25	30	30	Trượt
532	Nguyễn Thị Hằng Ny	01/01/1998	KHQ2.0564	42	32	42	Trượt
533	Hồ Nhật Phi	10/11/1992	KHQ2.0565	31	44	32	Trượt
534	Phan Thị Hồng Phúc	31/10/1996	KHQ2.0566	36	34	41	Trượt
535	Lương Tiểu Phụng	13/09/1998	KHQ2.0567	34	39	35	Trượt
536	Ngô Huệ Quân	18/12/1992	KHQ2.0569	46	60	56	Trượt
537	Nguyễn Tấn Sang	28/12/1992	KHQ2.0570	20	10	20	Trượt
538	Hoàng Vi Thắm	07/12/1997	KHQ2.0571	44	45	51	Trượt
539	Trần Thị Thanh Thanh	01/12/1987	KHQ2.0572	45	26	38	Trượt
540	Nguyễn Thị Thủy	18/05/1997	KHQ2.0573	44	51	46	Trượt
541	Võ Đình Tiến	12/09/1997	KHQ2.0574	31	31	35	Trượt
542	Bùi Văn Tín	24/10/1989	KHQ2.0575	45	49	38	Trượt
543	Đỗ Văn Tới	08/10/1990	KHQ2.0576	56	42	60	Trượt
544	Nguyễn Mạnh Tòng	07/03/1997	KHQ2.0577	36	38	40	Trượt
545	Nguyễn Thị Cẩm Tú	01/01/1997	KHQ2.0579	40	32	42	Trượt
546	Lê Thị Bạch Tuyết	01/10/1997	KHQ2.0580	39	Miễn thi	49	Trượt

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Pháp luật Hải quan	Kỹ thuật NV Ngoại thương	Kỹ thuật NV Hải quan	Kết quả
547	Nguyễn Thị Hiếu Vy	06/01/1997	KHQ2.0581	24	36	40	Trượt
548	Võ Nguyễn Như Vy	11/11/1996	KHQ2.0582	62	54	56	Đỗ
549	Nguyễn Ngọc Hoàng Yến	27/07/1998	KHQ2.0583	45	46	40	Trượt
550	Trương Huỳnh Hoài Bảo	08/10/1977	KHQ2.0584	42	42	40	Trượt

Thí sinh Lê Thị Diệu Hằng, sinh ngày 13/8/1998, SBD: KHQ2.0105 được điều chỉnh điểm môn Kỹ thuật nghiệp vụ Hải quan (lý do: vào nhầm điểm)

Danh sách trên có 550 thí sinh./.